

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 02 - 03 - 2021

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Quyên;

2. Ông Nguyễn Chu Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXX-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Quang Đ, sinh năm 1959; có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, V, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị N, sinh năm 1969; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, V, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/9/2020, lời khai ông Trần Quang Đ trình bày: Ông Trần Quang Đ và bà Đặng Thị N lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam đầu năm 1987 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới cho theo phong tục địa phương vào ngày 10/01/1987. Sau ngày cưới, vợ chồng về làm ăn sinh sống tại xã C, huyện L, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2000 thì mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân do bà N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, ông Đ đã làm đơn xin ly hôn với bà N gửi UBND xã nhưng do bà N bỏ đi làm ăn xa nên ông không yêu cầu giải quyết tiếp. Sau đó bà N bỏ đi vào miền Nam làm ăn, ông Đ ở

nhà nuôi các con ăn học và xây dựng gia đình riêng cho các con, bà N không quan tâm gì đến chồng con. Năm 2015 bà N mới về quê nhưng vợ chồng không đoàn tụ cùng nhau. Do bà N bỏ đi với thời gian quá lâu nên ông Đ đã chung sống với bà Trần Thị C người cùng địa phương và có 02 con riêng. Từ năm 2001 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay ông Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với bà Nhẫn.

Ý kiến của bà Đặng Thị N lưu tại hồ sơ vụ án: Thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng như ông Đ trình bày là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1998 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do ông Đ có quan hệ ngoại tình với bà Trần Thị C là người cùng xã rồi về đánh chửi bà N. Sau đó ông Đ chuyển đến sinh sống cùng bà C, còn bà N ở cùng với các con đến khi các con khôn lớn, năm 2007 bà đi Miền Nam làm ăn đến năm 2015 thì trở về địa phương nhưng vợ chồng không sống cùng nhau, kể từ năm 1998 đến nay vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ, ông Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn bà N không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

- Về con chung: Ông Đ và bà N đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị T, sinh ngày 15/12/1987; Trần Minh V, sinh ngày 03/9/1989 và Trần Thị T1, sinh ngày 20/3/1993. Hiện nay các con chung của ông Đ và bà N đều đã đủ 18 tuổi, có gia đình riêng, vợ chồng không còn phải nuôi dưỡng nên ông Đ và bà N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về con riêng: Ông Đ có 02 con riêng là cháu Trần Thu P1, sinh năm 2002 và cháu Trần Thanh P2, sinh năm 2012. Ông Đ và bà N đều xác định: cháu P1 và cháu P2 là con riêng của ông Đ không liên quan gì đến bà N nên ông Đ tự có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng, bà N không phải có trách nhiệm với các con riêng của ông Đ. Ông Đ và bà N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Ông Trần Quang Đ và bà Đặng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn, bà Đặng Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Toà án xử cho ly hôn giữa ông Trần Quang Đ và bà Đặng Thị N. Về con chung: Các con chung của ông Đ và bà N đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, có gia đình riêng, ông Đ và bà N không còn phải nuôi dưỡng nên không phải giải quyết. Ông Đ có hai con riêng nhưng ông Đ và bà N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của ông Trần Quang Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, bà Đặng Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do; căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Quang Đ và bà Đặng Thị N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng mà đều nghi ngờ nhau có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau. Từ năm 1998 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai; quá trình giải quyết vụ án ông Đ cương quyết xin ly hôn, bà N cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên giải quyết ly hôn giữa ông Trần Quang Đ và bà Đặng Thị N là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là chị Trần Thị T, sinh ngày 15/12/1987; anh Trần Minh V, sinh ngày 03/9/1989 và chị Trần Thị T1, sinh ngày 20/3/1993. Hiện nay các con chung đều đã đủ 18 tuổi, có gia đình riêng, tự lập, ông Đ và bà N không còn phải nuôi dưỡng nên Tòa án không xét.

[4] Về con riêng: Ông Trần Quang Đ có 02 con riêng là cháu Trần Thu P1, sinh năm 2002 và cháu Trần Thanh P2, sinh năm 2012. Ông Đ và bà N đều xác định, cháu P1 và cháu P2 là con riêng của ông Đ không liên quan gì đến bà N nên ông Đ tự có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Đ và bà N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông Trần Quang Đ với bà Đặng Thị N.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Quang Đ phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Được đối trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí ông Đ đã nộp theo biên lai số AA2015/0003766 ngày 07/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Quốc Huy